

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|------------------------|---|
| • Ông Phạm Văn Hải | - Chủ tịch |
| • Ông Hoàng Hợp Thương | - Ủy viên |
| • Ông Lê Văn Cầu | - Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2010) |
| • Ông Đỗ Công Hiến | - Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2010) |
| • Ông Nguyễn Khắc Đạt | - Ủy viên |
| • Ông Lại Văn Thắng | - Ủy viên |

Ban Giám đốc

- | | |
|--------------------------|----------------|
| • Ông Phạm Văn Hải | - Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Trường Hưng | - Phó Giám đốc |
| • Ông Lê Văn Cầu | - Phó Giám đốc |
| • Ông Bùi Minh Trường | - Phó Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phạm Văn Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2010

Số. /Deloitte- AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 02 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý tại Thuyết minh số 25 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 chưa được soát xét hoặc kiểm toán.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 8 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ
ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		953.971.937.780	990.818.793.088
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	128.268.547.212	153.344.085.839
1. Tiền	111		28.268.547.212	13.344.085.839
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	140.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.600.000.000	7.600.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	37.600.000.000	7.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		236.102.322.197	233.036.737.581
1. Phải thu khách hàng	131		168.926.615.912	119.184.801.858
2. Trả trước cho người bán	132		64.712.452.175	113.361.481.366
3. Các khoản phải thu khác	138		3.653.167.281	1.680.367.528
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.189.913.171)	(1.189.913.171)
IV. Hàng tồn kho	140	6	502.815.017.126	550.066.243.516
1. Hàng tồn kho	141		502.815.017.126	550.066.243.516
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.186.051.245	46.771.726.152
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.759.391.589	7.126.781.555
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.067.439.702	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		36.359.219.954	39.644.944.597
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		253.207.328.688	188.601.126.534
I. Tài sản cố định	220		233.452.083.381	174.358.738.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	210.131.630.413	52.474.673.904
- Nguyên giá	222		279.885.964.501	115.991.093.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.754.334.088)	(63.516.419.195)
2. Tài sản cố định vô hình	227		777.338.959	789.662.684
- Nguyên giá	228		1.015.338.240	1.015.338.240
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(237.999.281)	(225.675.556)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	22.543.114.009	121.094.401.717
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17.217.948.876	13.332.797.286
1. Đầu tư dài hạn khác	258	9	17.285.151.590	13.400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		(67.202.714)	(67.202.714)
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.537.296.431	909.590.943
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.537.296.431	909.590.943
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.207.179.266.468	1.179.419.919.622

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ
ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.065.491.722.221	1.033.034.076.146
I. Nợ ngắn hạn	310		641.525.718.184	714.124.428.893
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	116.126.982.645	156.843.907.564
2. Phải trả người bán	312		133.566.511.415	127.991.215.686
3. Người mua trả tiền trước	313		330.257.836.798	336.090.866.622
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	11.560.756.722	6.744.577.979
5. Phải trả người lao động	315		1.180.948.237	27.648.054.322
6. Chi phí phải trả	316	13	9.370.375.109	15.884.585.587
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		35.237.184.148	41.909.725.665
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.225.123.110	1.011.495.468
II. Nợ dài hạn	330		423.966.004.037	318.909.647.253
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	56.861.835.502	61.571.835.502
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		554.989.756	562.429.006
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		366.549.178.779	256.775.382.745
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400		141.687.544.247	146.385.843.476
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	141.687.544.247	146.385.843.476
1. Vốn điều lệ	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.850.000.000	34.850.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.512.035.419	6.948.085.369
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.597.769.415	2.153.361.640
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.727.739.413	22.434.396.467
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.207.179.266.468	1.179.419.919.622

Phạm Văn Hải
Giám đốcLại Văn Thăng
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009 (Chưa soát xét)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	310.511.635.670	257.636.270.388
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16	310.511.635.670	257.636.270.388
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	283.674.856.563	242.185.945.369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.836.779.107	15.450.325.019
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	8.083.617.045	5.409.839.705
7. Chi phí tài chính	22	19	11.644.844.730	3.323.858.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.644.844.730	3.323.858.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	35.325.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.708.204.080	4.970.573.879
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		13.567.347.342	12.530.407.845
11. Thu nhập khác	31	20	1.183.059.178	140.186.107
12. Chi phí khác	32		35.595.689	234.466.296
13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40=31-32)	40		1.147.463.489	(94.280.189)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.714.810.831	12.436.127.656
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	1.987.071.418	2.197.015.222
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		12.727.739.413	10.239.112.434
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.591	1.280

Phạm Văn Hải
 Giám đốc

Lại Văn Thăng
 Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ
ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009 (Chưa soát xét)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.714.810.831	12.436.127.656
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.832.409.773	4.554.813.699
Các khoản dự phòng	03	-	(6.642.900)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(8.887.379.538)	(5.409.839.807)
Chi phí lãi vay	06	11.644.844.730	3.323.858.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	25.304.685.796	14.898.316.648
(Tăng) các khoản phải thu	09	(5.262.742.487)	(26.196.500.272)
Giảm/(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	47.251.226.390	(11.519.054.943)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	79.364.869.161	21.156.205.989
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(3.260.315.522)	(715.849.819)
Tiền lãi vay đã trả	13	(11.332.169.411)	(3.394.492.087)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.847.484.606)	(779.957.508)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	10.000.000	150.786.107
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(568.598.940)	(352.826.558)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	123.659.470.381	(6.753.372.443)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(66.957.745.516)	(10.353.312.701)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	835.753.160	-
	23	(35.000.000.000)	(155.000.000.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	5.000.000.000	160.909.190.365
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	5.613.908.267	5.299.892.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(90.508.084.089)	855.769.927
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	128.244.106.761	186.944.003.981
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(173.671.031.680)	(190.213.407.638)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.800.000.000)	(2.616.038.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(58.226.924.919)	(5.885.442.557)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(25.075.538.627)	(11.783.045.073)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	153.344.085.839	30.781.659.132
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	128.268.547.212	18.998.614.059

Phạm Văn Hải
Giám đốcLại Văn Thăng
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây dựng số 9 được thành lập theo Quyết định số 129/BXD-TC ngày 15 tháng 11 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ ngày 08 tháng 4 năm 2005, Công ty Xây dựng số 9 được chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 theo Quyết định số 1731/QĐ-BXD ngày 04 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007318 ngày 08 tháng 4 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0101051096 ngày 06 tháng 7 năm 2010 là 80.000.000.000 VND, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam chiếm 54,33%, tỷ lệ cổ phần của các đối tượng khác chiếm 45,67%.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, HH2-2 Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 894 (31 tháng 12 năm 2009: 861).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bao gồm các hoạt động sau:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, xây dựng nhà ở, các công trình giao thông, thủy lợi, bưu điện, cấp thoát nước, nền móng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Kinh doanh phát triển khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp và kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng, đồ gỗ nội ngoại thất phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và vật liệu xây dựng;
- Khai thác kinh doanh nước sạch, năng lượng điện;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải, dịch vụ trông giữ xe.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các công trình hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng nhưng chưa được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao hoặc theo giá dự toán. Khi công trình được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản cố định	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	(số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 47
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 6
Tài sản khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, trang thiết bị nội thất văn phòng chờ phân bổ. Thời gian phân bổ là trong vòng 24 tháng kể từ ngày xuất dùng.

Nguồn vốn - quỹ

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi là 80.000.000.000 VND, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam chiếm 54,33%, tỷ lệ cổ phần của các đối tượng khác chiếm 45,67%.

Các quỹ khác như Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 do không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	9.753.801.731	4.424.009.305
Tiền gửi ngân hàng	18.514.745.481	8.920.076.534
Các khoản tương đương tiền (i)	100.000.000.000	140.000.000.000
	128.268.547.212	153.344.085.839

(i) : Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất tùy theo qui định của từng ngân hàng tại từng thời điểm khác nhau.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp toàn bộ tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Tây để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này. Số dư tiền gửi tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2010 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Tây là 72.728.397.046 VND.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 (Vinaconex 12)	7.600.000.000	7.600.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 (Vinaconex 7)	30.000.000.000	-
	37.600.000.000	7.600.000.000

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền Công ty cho vay ngắn hạn với thời gian thu hồi dưới 1 năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.808.353.910	24.115.827.982
Công cụ, dụng cụ	817.451.727	1.724.237.795
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	497.189.211.489	524.226.177.739
Cộng giá gốc hàng tồn kho	502.815.017.126	550.066.243.516
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	502.815.017.126	550.066.243.516

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2, Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/ 01/2010 đến ngày 30/ 06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	17.105.797.381	66.151.748.487	17.934.939.582	12.851.513.252	1.947.094.397	115.991.093.099
Mua sắm mới	-	132.909.000	-	835.782.682	10.900.000	979.591.682
XDCB hoàn thành	164.529.441.541	-	-	-	-	164.529.441.541
Phân loại lại	-	-	9.610.140.551	(9.610.140.551)	-	-
Thanh lý	-	(1.188.620.757)	(248.510.243)	(177.030.821)	-	(1.614.161.821)
Tại ngày 30/6/2010	181.635.238.922	65.096.036.730	27.296.569.890	3.900.124.562	1.957.994.397	279.885.964.501
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	4.901.461.700	43.747.893.939	6.723.644.619	6.773.802.960	1.369.615.977	63.516.419.195
Trích khấu hao trong kỳ	2.969.954.349	2.671.811.007	1.140.211.635	948.975.856	89.133.201	7.820.086.048
Phân loại lại	-	-	4.911.298.587	(4.911.298.587)	-	-
Thanh lý	-	(1.180.933.257)	(247.381.078)	(153.856.820)	-	(1.582.171.155)
Tại ngày 30/6/2010	7.871.416.049	45.238.771.689	12.527.773.763	2.657.623.409	1.458.749.178	69.754.334.088
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2010	173.763.822.873	19.857.265.041	14.768.796.127	1.242.501.153	499.245.219	210.131.630.413
Tại ngày 31/12/2009	12.204.335.681	22.403.854.548	11.211.294.963	6.077.710.292	577.478.420	52.474.673.904

Như trình bày tại thuyết minh số 14, một số tài sản bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 6 năm 2010 là 29.336.758.662 VND (31 tháng 12 năm 2009: 19.730.643.124 VND) được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 37.885.657.371 VND (31 tháng 12 năm 2009: 34.437.789.477 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2, Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 (Chưa soát xét) VND
Số dư đầu kỳ	121.094.401.717	57.356.611.918
Tăng trong kỳ	65.978.153.833	4.937.855.594
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(164.529.441.541)	-
Số dư cuối kỳ	22.543.114.009	62.294.467.512

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty Cổ phần đầu tư & xây dựng Vinaconex 45	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	550.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	11.600.000.000	11.600.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng Vinaconex 20	3.885.151.590	-
	17.285.151.590	13.400.000.000

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc trình bày theo giá gốc là phù hợp và các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, nếu có, sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 (Chưa soát xét) VND
Số dư đầu kỳ	909.590.943	1.972.135.093
Tăng trong kỳ	2.703.472.438	364.150.027
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(1.075.766.950)	(1.024.555.045)
Số dư cuối kỳ	2.537.296.431	1.311.730.075

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (i)	44.392.709.934	76.006.867.457
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi (ii)	50.468.208.711	80.837.040.107
Vay cá nhân (iii)	21.266.064.000	-
	116.126.982.645	156.843.907.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(i): Khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2010/HĐ ngày 22 tháng 6 năm 2010 với thời hạn 6 tháng, mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động với tổng dư nợ tối đa là 120 tỷ VND (bao gồm vay, cấp bảo lãnh thanh toán, mở LC). Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, trong trường hợp có sự biến động của lãi suất thị trường vốn thì Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất và thông báo tới Công ty và coi là phụ lục không thể tách rời của hợp đồng tín dụng này. Tài sản đảm bảo tiền vay là toàn bộ số dư tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây và tại các Tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

(ii): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Nguyễn Trãi theo Công văn số 2688/CV-NHCT5 ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho phép Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Nguyễn Trãi duyệt hạn mức tín dụng đối với Công ty là 280 tỷ VND; trong đó hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 100 tỷ VND; hạn mức bảo lãnh là 150 tỷ VND. Lãi suất sẽ được thông báo cho từng thời kỳ. Khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn không có tài sản đảm bảo.

(iii): Các khoản vay ngắn hạn từ cá nhân có thời hạn dưới 1 năm, mục đích là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay vốn là 11,5%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11.328.763.807	4.852.515.979
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.792.973.486
Thuế thu nhập cá nhân	231.992.915	99.088.514
	11.560.756.722	6.744.577.979

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty TNHH nhà thép tiền chế Zamil Việt Nam	7.481.190.849	7.481.190.849
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà & Đô thị	-	6.064.941.654
Điện lực Từ Liêm - Hà Nội	289.952.800	-
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Kinh doanh	24.624.000	-
Nhà máy Xi măng Hà Tiên 2.2 Kiên Giang	-	258.922.384
Nhà máy Xi măng Bình Phước	1.248.477.280	2.079.530.700
Phải trả khác	326.130.180	-
	9.370.375.109	15.884.585.587

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (i)	45.213.205.402	45.663.205.402
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi (ii)	11.648.630.100	15.908.630.100
	56.861.835.502	61.571.835.502

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)****(i):** Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Tây:

- Vay dài hạn theo Hợp đồng trung hạn số 04/2007/HĐTH ngày 08 tháng 6 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 3,7 tỷ VND, thời hạn vay là 54 tháng, mục đích vay là để đầu tư mua Xe bơm bê tông 150m³/h. Khoản vay này chịu lãi suất 12,88%/năm cho năm đầu tiên; các năm tiếp theo là lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau tại Ngân hàng cộng (+) với phí dịch vụ Ngân hàng tối thiểu 4%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 610.731.256 VND;
- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐ ngày 16 tháng 8 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 120,7 tỷ VND, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay là để thanh toán chi phí cho dự án “Trụ sở giao dịch kết hợp văn phòng cho thuê tại Khu Mễ Trì Hạ, huyện Từ Liêm, Hà Nội”. Khoản vay chịu lãi suất 1,78%/năm cho năm đầu tiên; các năm tiếp theo là lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau tại Ngân hàng cộng (+) với phí dịch vụ Ngân hàng tối thiểu 3,5%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 44.602.474.146 VND.

(ii): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Nguyễn Trãi:

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 26/HĐTD2007 ngày 23 tháng 11 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 1,7 tỷ VND, thời hạn vay 42 tháng, mục đích vay là để thanh toán tiền mua xe Cầu thép Zoomlion. Khoản vay chịu lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng do Ngân hàng phát hành cộng (+) phí 3% năm nhưng không thấp hơn 12%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 580.000.000 VND;
- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 98/HĐTD2008 ngày 24 tháng 12 năm 2008 với hạn mức tín dụng là 3,038 tỷ VND, thời hạn vay 39 tháng, mục đích vay là để thanh toán tiền mua xe bơm bê tông (bơm cần). Khoản vay chịu lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng phát hành cộng (+) phí 3,5% năm nhưng không thấp hơn 12,5%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 1.578.000.000 VND;
- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 36/HĐTD2009 ngày 27 tháng 5 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 3,13065 tỷ VND, thời hạn vay 39 tháng, mục đích vay là để đầu tư trạm trộn bê tông 60m³/h. Khoản vay chịu lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng phát hành cộng (+) biên độ 2,8% năm nhưng không thấp hơn 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 1.904.304.000 VND;
- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 80/HĐTD2009 ngày 07 tháng 10 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ VND, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay là để đầu tư 1.622,6 m² diện tích trung tâm thương mại, văn phòng tầng 4 tòa nhà Chung cư 25T1 tại Cụm nhà ở hỗn hợp cao tầng tại lô đất N05 thuộc dự án khu đô thị Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy. Khoản vay chịu lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng phát hành cộng (+) biên độ 3% năm nhưng không thấp hơn 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 6.250.000.000 VND;
- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 86/HĐTD2009 ngày 06 tháng 11 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 2.289.825.050 VND, thời hạn vay 35 tháng, mục đích vay là để đầu tư 01 máy bơm bê tông hiệu EVERDIGM và 01 cầu thép hiệu Zoolion. Khoản vay chịu lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng phát hành cộng (+) biên độ 3% năm nhưng không thấp hơn 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 1.336.326.100 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2, Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2009	80.000.000.000	34.850.000.000	4.579.291.672	1.109.523.291	6.265.750.053	126.804.565.016
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	23.488.548.108	23.488.548.108
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	2.368.793.697	1.043.838.349	(3.412.632.046)	-
Giảm khác	-	-	-	-	(3.907.269.648)	(3.907.269.648)
Tại ngày 01/01/2010	80.000.000.000	34.850.000.000	6.948.085.369	2.153.361.640	22.434.396.467	146.385.843.476
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	12.727.739.413	12.727.739.413
Trích quỹ từ lợi nhuận (1)	-	-	4.563.950.050	444.407.775	(5.008.357.825)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	(4.626.038.642)	(4.626.038.642)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	(12.800.000.000)	(12.800.000.000)
Tại ngày 30/6/2010	80.000.000.000	34.850.000.000	11.512.035.419	2.597.769.415	12.727.739.413	141.687.544.247

- (1) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2009 vào các quỹ theo Nghị quyết số 348/2010/NQ-CC9-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 4 năm 2010.
- (2) Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2010, Công ty đã trả tiền cổ tức cho năm tài chính 2009 với mức 16% vốn điều lệ bằng tiền mặt, tương đương 12.800.000.000 VND theo quyết định của Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, HH2-2, Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Cổ phiếu**

	30/6/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/1 cổ phiếu.		

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 (Chưa soát xét) VND
Doanh thu bán hàng	466.250.155	2.621.229.624
Doanh thu xây lắp và sản phẩm khác	304.801.773.957	254.812.473.166
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.243.611.558	202.567.598
	310.511.635.670	257.636.270.388

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 (Chưa soát xét) VND
Giá vốn bán hàng hóa vật tư	466.250.155	2.621.229.624
Giá vốn xây lắp và sản phẩm khác	278.206.874.582	239.492.087.293
Giá vốn dịch vụ cung cấp	5.001.731.826	72.628.452
	283.674.856.563	242.185.945.369

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 (Chưa soát xét) VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.083.617.045	5.299.892.263
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	109.947.442
	8.083.617.045	5.409.839.705

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 (Chưa soát xét) VND
Chi phí lãi vay	11.644.844.730	3.323.858.000
	11.644.844.730	3.323.858.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, HH2-2, Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 (Chưa soát xét)
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	835.753.160	-
Thu bán phế liệu	347.306.018	-
Thu nhập từ hoạt động khác	-	140.186.107
	1.183.059.178	140.186.107

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoài Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
			VND
Lợi nhuận trước thuế	13.567.347.342	1.147.463.489	14.714.810.831
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	34.297.022	-	34.297.022
Cộng:			
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	34.297.022	-	34.297.022
Thu nhập chịu thuế	13.601.644.364	1.147.463.489	14.749.107.853
Thuế suất	25%	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.400.411.091	286.865.872	3.687.276.963
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	1.700.205.546	-	1.700.205.546
			1.987.071.418

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 (Chưa soát xét)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.727.739.413	10.239.112.434
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.727.739.413	10.239.112.434
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.590,97	1.279,89

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinacorex-9, HH2-2, Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	30.535.535.710	14.616.506.364
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	95.285.684	2.115.215.471
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	196.793.856	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	368.417.592	(121.823.712)
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	660.777.811	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	347.297.519	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	216.086.551	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật	-	28.419.273.377
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng đường Láng Hòa Lạc	23.793.194.950	34.005.017.923
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	-	206.307.273
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	-	865.457.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	1.411.666.667	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	511.914.000	1.293.600.000
<i>Giá vốn</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	29.668.697.023	13.790.811.489
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	71.909.510	2.095.070.329
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	196.793.856	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	345.165.872	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	598.704.138	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	323.411.029	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	216.086.551	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật	-	26.892.497.567
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng đường Láng Hòa Lạc	22.204.325.703	32.075.425.685
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	-	203.050.000
<i>Mua hàng</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	17.293.086	43.796.613
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	16.333.454.728	1.887.341.818
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	-	190.400.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	189.201.394	-
Công ty Cổ phần VIMECO	4.382.348.067	10.389.614.699
Công ty Cổ phần Bê tông & Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	2.744.602.014	2.082.932.684
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Kinh doanh nước sạch	61.787.477	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị	6.099.504.678	22.893.088.415
<i>Cho vay ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	30.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, HH2-2, Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan:**

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	9.449.889.788	7.389.480.442
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	116.779.000	116.779.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	350.803.002	245.988.750
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	57.325.620	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	509.531.079	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	56.629.540	-
Công ty CP Bê tông & Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	638.812.939	638.812.933
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	667.397.050	9.701.830.920
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	1.411.666.667	108.300.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn	180.062.570	180.062.570
<i>Ứng trước cho người bán</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	-	21.266.990.754
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	8.398.023.863	25.110.352.063
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	320.000.000	-
Công ty Cổ phần VIMECO	3.510.156.982	2.240.340.050
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng	667.660.750	-
Công ty CP Bê tông & Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	-	663.000.000
<i>Cho vay ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	7.600.000.000	7.600.000.000
<i>Đầu tư góp vốn</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 45	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	550.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	11.600.000.000	11.600.000.000
<i>Người mua trả tiền trước</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	23.036.372.194	5.864.783.493
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	110.000.000	110.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	9.938.549.987	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	19.856.743.040	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	9.911.518.298	4.992.000.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng đường Láng Hòa Lạc	22.202.647.125	37.426.986.570
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	6.673.500	24.316.486
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	107.496.758	431.970.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	435.503.208	827.381.675
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	115.824.604	115.824.604
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	660.455.051	660.455.051
Công ty Cổ phần VIMECO	10.006.226.689	8.468.610.528
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng & Ứng dụng Công nghệ mới	82.202.000	82.202.000
Công ty CP Bê tông & Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	2.356.062.216	1.386.242.500
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị	20.054.236	1.366.333.247
<i>Phải trả phải nộp khác</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	132.000.000	55.159.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:**

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	445.672.660	240.323.892

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 chưa được soát xét hoặc kiểm toán. Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE). Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Khoản mục	Số trước phân loại lại 31/12/2009 VND	Số sau phân loại lại 31/12/2009 VND	Chênh lệch	Tham chiếu
Người mua trả tiền trước	592.866.249.367	336.090.866.622	(256.775.382.745)	<1>
Doanh thu chưa thực hiện	-	256.775.382.745	256.775.382.745	<1>
Quỹ khen thưởng phúc lợi - mã số 431	1.011.495.468	-	(1.011.495.468)	<2>
Quỹ khen thưởng phúc lợi - mã số 323	-	1.011.495.468	1.011.495.468	<2>

Theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”:

<1>: Bổ sung chỉ tiêu doanh thu chưa thực hiện, mã số 338 trên Bảng cân đối kế toán. Chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước” sẽ không bao gồm doanh thu chưa thực hiện.

<2>: Đổi số hiệu tài khoản 431 – “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” thành tài khoản 353 – “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”. Đồng thời, “Quỹ khen thưởng phúc lợi” sẽ trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại khoản mục “Nợ phải trả” với mã số 323 thay vì trình bày tại khoản mục Nguồn vốn với mã số 431.
